TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 02–4–2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hải, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tòng Văn Cách - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La *tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2026/TLST-HNGĐ ngày 05-02-2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-3-2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh ngày 05/01/1994. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn B, sinh ngày 13/6/1995. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản H, xã M, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Quàng Văn B kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La), kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng hiện tại đang sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị Lò Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Quàng Văn B.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 17/3/2026 bị đơn anh Quàng Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Quàng Văn B và chị Lò Thị M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La), kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh Quàng Văn B xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 24/02/2026 xác định: Chị Lò Thị M và anh Quàng Văn B có kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không bên nào ép buộc. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình nên hiện tại chị M, anh B đang sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị M giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh Quàng Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ

pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M ly hôn với anh Quàng Văn B.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lò Thị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn B nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Quàng Văn B có nơi trú tại Bản H, xã M, tỉnh Sơn La, do vậy đây là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị M, bị đơn anh Quàng Văn B vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về thủ tục hòa giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Quàng Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị M, anh B là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M, anh B chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M, anh B đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu ly hôn với anh Quàng Văn B. Anh Quàng Văn B cũng xác định không còn tình cảm và nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xác minh tại địa phương và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị M, anh B không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị M, anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị M ly hôn với anh Quàng Văn B.

[5] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xét xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị M, anh Quàng Văn B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị M là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu được miễn án phí. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lò Thị M đối với anh Quàng Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M ly hôn với anh Quàng Văn B.

2. Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị M, anh Quàng Văn B xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị M, anh Quàng Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- UBND xã M, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tiến Dũng